

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10A/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 12/3/2020

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Mai

2. Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T – thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Sơn Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Dân V - Sinh năm 1982

- HKTT: Xã T, huyện B, Hà Nội.

- Nơi ở hiện nay: Ngách 123/38 Thôn Y, xã T, huyện T, Hà Nội.

Bị đơn: Anh Đặng Xuân B – Sinh năm 1984

- HKTT: Xã T, huyện B, Hà Nội.

- Nơi ở hiện nay: Ngách 123/38 Thôn Y, xã T, huyện T, Hà Nội.

(chị V có mặt, anh B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 29/10/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Dân V trình bày:***

Chị Trịnh Thị Dân V và anh Đặng Xuân B kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/10/2009 tại UBND xã T, huyện B, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã và đánh nhau. Mâu thuẫn giữa chị V và anh B đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không đem lại kết quả. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ chung sống nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị V và anh B có 02 con chung là Đặng Anh P, sinh ngày 18/10/2010 và Đặng Bảo Y, sinh ngày 07/3/2017. Chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Chị V đang công tác tại Công ty được H với mức thu nhập 15.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ: Chị V khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét.

*** Bị đơn là anh Đặng Xuân B trình bày:**

Anh B xác nhận lời khai của chị V về quá trình vợ chồng kết hôn và chung sống. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị mới phát sinh từ năm 2019 do vợ chồng bất đồng quan điểm, bản thân anh B thường xuyên vắng nhà nên không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, vợ con. Anh B đã động viên, thuyết phục chị V hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng chị V vẫn cương quyết ly hôn với anh. Anh B không đồng ý ly hôn và có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Con chung: Anh B xác nhận vợ chồng có 02 chung là Đặng Anh P, sinh ngày 18/10/2010 và Đặng Bảo Y, sinh ngày 07/3/2017. Việc chăm sóc, giáo dục các con đều do chị V đảm nhiệm do anh B đi làm xa. Anh B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đặng Anh P còn chị V nuôi cháu Đặng Bảo Y. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh B làm thợ cơ khí tự do với mức thu nhập bình quân từ 5-6.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ: Anh B xác nhận anh chị không có tài sản chung, công nợ không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm như đã trình bày nêu trên.
- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành tố tụng tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng

trình tự, thủ tục. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Chị V và anh B phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung nên hôn nhân không hạnh phúc. Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung hiện đều đang do chị V trực tiếp chăm sóc. Cháu Đặng Anh P có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Đặng Bảo Y mới vừa đủ 3 tuổi, chị V có điều kiện thuận lợi hơn để nuôi con nên đề nghị giao chị V nuôi cả 2 con chung, chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: Không tranh chấp nên không xem xét.

Chị V phải nộp án phí LHST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật cho anh Đặng Xuân B nhưng anh B có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử. Hội đồng xét xử xác định việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Dân V và anh Đặng Xuân B xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp và đăng ký kết hôn ngày 19/10/2009 tại UBND xã T, huyện B, Hà Nội. Chị V yêu cầu được ly hôn với anh B do vợ chồng bất đồng trong quan điểm, cách sống dẫn đến vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh B không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai xác nhận của anh B, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B, chị V là do anh B thường xuyên vắng nhà, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Chị V đã nộp đơn ly hôn xong đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả. Anh B mong muốn đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Chị V cương quyết yêu cầu xin ly hôn. Như vậy, nếu có duy trì cuộc sống chung giữa anh chị cũng không đạt được mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc mà chỉ gây căng thẳng, ức chế cho cả hai bên. Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn ly hôn của chị Trịnh Thị Dân V, cho chị V được ly hôn với anh B.

[3]. Về con chung: Chị V và anh B có 02 con chung là Đặng Anh P, sinh ngày 18/10/2010 và Đặng Bảo Y, sinh ngày 07/3/2017. Ly hôn, chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 2 con chung, anh B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đặng Anh P. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con

chung của anh B, chị V là chính đáng, anh B và chị V đều có điều kiện để chăm sóc các con. Tuy nhiên, hiện nay cả hai con chung đều do chị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục; cháu Đặng Anh P có nguyện vọng được ở với mẹ và chị V có nhiều điều kiện thuận lợi hơn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Để đảm bảo sự ổn định cuộc sống, học tập cũng như tâm lý cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình giao chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 con chung là cháu Đặng Anh P và cháu Đặng Bảo Y. Chị V không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công nợ: Trong đơn ly hôn và các lời khai, anh B, chị V cùng xác nhận anh chị không có tài sản chung, công nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trịnh Thị Dân V phải chịu 300.000 đồng án phí LHST theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Dân V được ly hôn với anh Đặng Xuân B.

2. Về con chung: Giao chị Trịnh Thị Dân V trực tiếp chăm sóc, giáo dục cả 2 con chung là Đặng Anh P, sinh ngày 18/10/2010 và Đặng Bảo Y, sinh ngày 07/3/2017. Chị V không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị Dân V phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm - Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp tại biên lai số AA/2017/ 06354, ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Trịnh Thị Dân V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;
- Anh Đặng Xuân B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T;
- Chi cục thi hành án dân sự H. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài